**18. Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật**

**Thủ tục hành chính cấp trung ương**

**Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

**1.Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức đăng ký cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ cho Cục Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Bảo vệ thực vật thẩm định hồ sơ và thông báo bằng văn bản kết quả thẩm định cho tổ chức đăng ký.

- Bước 3: Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề của tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.

Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho Cục Bảo vệ thực vật.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.

b) Bản thuyết minh về quy trình kỹ thuật, phương tiện, danh mục trang thiết bị xử lý đối với từng biện pháp, loại hình và quy mô đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp mang theo bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp trình độ từ đại học trở lên của người trực tiếp quản lý điều hành.

d) Bản chính Giấy khám sức khỏe của người trực tiếp quản lý điều hành do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; Bản sao chụp giấy khám sức khỏe của người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể.

đ) Danh sách người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể đã được cấp Thẻ hành nghề.

e) Bản sao chụp Phương án phòng cháy chữa cháy được phê duyệt hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về đảm bảo môi trường theo quy định của pháp luật.

g) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:**

20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức đăng ký hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 (Mục II, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật ( Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh về quy trình kỹ thuật, phương tiện, danh mục trang thiết bị xử lý đối với từng biện pháp, loại hình và quy mô đăng ký (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật bao gồm:

+ Có địa điểm xử lý vật thể, nhà xưởng, kho chứa, phương tiện phù hợp với quy mô, biện pháp và loại hình xử lý theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

+ Có thiết bị đối với từng biện pháp xử lý quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016.

+ Có đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Điều kiện về nhân lực bao gồm:

+ Người trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01 - 19:2010/BNNPTNT về quy trình xông hơi khử trùng hoặc tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; bảo đảm sức khỏe theo quy định;

+ Người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật có Thẻ hành nghề do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp; bảo đảm sức khỏe theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý kiểm dịch thực vật.

- Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THIẾT BỊ**  
*(Kèm theo Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)*

**Phần 1. Danh mục thiết bị đối với biện pháp xông hơi khử trùng**

**Bảng 1. Danh mục thiết bị sử dụng cho biện pháp xông hơi khử trùng bằng Methyl Bromide**

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Thiết bị** |
| 1. | Thiết bị đo nồng độ hơi thuốc |
| 2. | Thiết bị phát hiện rò rỉ thuốc xông hơi |
| 3. | Thiết bị đo tồn dư thuốc sau khi thông thoáng (đo TLV) |
| 4. | Thiết bị thông thoáng, đảo khí |
| 5. | Thiết bị hóa hơi |
| 6. | Thiết bị gia nhiệt |
| 7. | Dụng cụ, trang bị bảo hộ cá nhân (mặt nạ, bình lọc, thiết bị thở ôxy...) |
| 8. | Ống dẫn thuốc |
| 9. | Bạt khử trùng |
| 10. | Vật liệu làm kín khác (bạt giấy dán chuyên dụng, hồ dán, băng dính, rắn cát...) |
| 11. | Thiết bị đo nhiệt độ, ẩm độ |
| 12. | Dụng cụ cân, đo |
| 13. | Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại |
| 14. | Dụng cụ, thiết bị phun vệ sinh |
| 15. | Biển cảnh giới |
| 16. | Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy |
| 17. | Bộ dụng cụ sơ cứu |

**Bảng 2. Danh mục thiết bị sử dụng cho biện pháp xông hơi khử trùng bằng Phosphine**

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Thiết bị** |
| 1. | Thiết bị đo nồng độ hơi thuốc |
| 2. | Thiết bị phát hiện rò rỉ thuốc xông hơi |
| 3. | Thiết bị đo tồn dư thuốc sau khi thông thoáng (TLV) |
| 4. | Thiết bị thông thoáng |
| 5. | Dụng cụ, trang bị bảo hộ cá nhân (mặt nạ, bình lọc, thiết bị thở ôxy...) |
| 6. | Bạt khử trùng |
| 7. | Vật liệu làm kín khác (bạt giấy dán chuyên dụng, hồ dán, băng dính, rắn cát...) |
| 8. | Thiết bị đo nhiệt độ, ẩm độ |
| 9. | Dụng cụ cân, đo |
| 10. | Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại |
| 11. | Dụng cụ, thiết bị phun vệ sinh |
| 12. | Biển cảnh giới |
| 13. | Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy |
| 14. | Bộ dụng cụ sơ cứu |

**Phần 2. Danh mục thiết bị đối với biện pháp xử lý hơi nước nóng**

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Thiết bị** |
| 1. | Buồng xử lý |
| 2. | Máy tạo hơi nước nóng (Máy VHT) |
| 3. | Thiết bị làm mát |
| 4. | Hệ thống làm ẩm |
| 5. | Quạt luân chuyển không khí |
| 6. | Thiết bị đo ẩm độ |
| 7. | Thiết bị cảm ứng đo nhiệt |
| 8. | Thiết bị hiệu chuẩn |
| 9. | Thiết bị ghi dữ liệu về nhiệt độ trong quá trình xử lý |
| 10. | Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy |
| 11. | Bộ dụng cụ sơ cứu |
| 12. | Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại |

**Phần 3. Danh mục thiết bị đối với biện pháp xử lý chiếu xạ**

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Thiết bị** |
| 1. | Nguồn phát xạ |
| 2. | Hệ thống băng tải đưa sản phẩm ra vào buồng xử lý |
| 3. | Phòng điều khiển |
| 4. | Thùng chứa sản phẩm |
| 5. | Thiết bị đo liều chiếu xạ |
| 6. | Buồng chiếu xạ |
| 7. | Thiết bị kiểm xạ |
| 8. | Hệ thống khóa liên động để kiểm soát và đảm bảo an toàn |
| 9. | Trang bị bảo hộ và thiết bị kiểm soát liều cá nhân |
| 10. | Bộ dụng cụ sơ cứu |
| 11. | Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy |
| 12. | Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại |

**Phần 4. Danh mục thiết bị đối với biện pháp xử lý nhiệt nóng**

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Thiết bị** |
| 1. | Buồng xử lý |
| 2. | Hệ thống cung cấp nhiệt |
| 3. | Cảm biến đo nhiệt |
| 4. | Thiết bị hiển thị nhiệt độ |
| 5. | Hệ thống đảo khí |
| 6. | Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy |
| 7. | Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại |

**Phụ lục II**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

**HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015*

*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

**Kính gửi:**

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật cho chúng tôi:

***Biện pháp xử lý***:

Xông hơi khử trùng

Hơi nước nóng

Chiếu xạ

Nhiệt nóng

Biện pháp khác

***Phạm vi và quy mô***:

***Hồ sơ kèm theo***:

🗌 Bản thuyết minh về quy trình kỹ thuật, phương tiện, danh mục trang thiết bị;

🗌 Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp trình độ từ đại học trở lên của người trực tiếp quản lý điều hành;

🗌 Giấy khám sức khỏe theo quy định của người trực tiếp quản lý điều hành;

🗌 Bản sao chụp Giấy khám sức khỏe của người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể

🗌 Danh sách người trực tiếp thực hiện xử lý đã được cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

🗌 Bản sao chụp các giấy tờ liên quan về phòng cháy chữa cháy và môi trường;

🗌 Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vào sổ số : ..........ngày\_\_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_\_\_  **Cán bộ nhận đơn**  *( Ký và ghi rõ họ tên* ) |  | *, ngày........ tháng......năm.....*  **Giám đốc**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục VII**

**MẪU THUYẾT MINH QUY TRÌNH KỸ THUẬT,**

**PHƯƠNG TIỆN VÀ TRANG THIẾT BỊ**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*)

**Phần 1. Mẫu bản thuyết minh qui trình kỹ thuật**

**I. QUI ĐỊNH CHUNG:**

1.1. Mục đích và đối tượng xử lý

1.2. Giải thích thuật ngữ

**II. YÊU CẦU XỬ LÝ**

2.1. Yêu cầu chung

2.2. Yêu cầu về vật tư, trang thiết bị

2.3. Yêu cầu về kỹ thuật

2.3. Giấy tờ, biểu mẫu thực hiện

**III. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN**

3.1. Chuẩn bị

Hồ sơ

Khảo sát

3.2. Lập phương án xử lý

3.3. Trình tự các bước xử lý

3.4. Các bước giám sát xử lý

3.5. Kết thúc xử lý

3.6. Lưu hồ sơ

**IV. QUI TRÌNH QUẢN LÝ HỒ SƠ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ**

**V. CÁC NỘI DUNG KHÁC**

**Phần 2. Mẫu bản thuyết minh về phương tiện và trang thiết bị xử lý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Tên thiết bị/phương tiện** | **Số lượng** | **Mô tả tính năng** | **Thời gian mua** | **Thời gian hiệu chỉnh gần nhất** | **Tình trạng sử dụng** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục V**

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02*

*năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*)

